

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 555/2024/HNGĐ-TLST ngày 07 tháng 10 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Trung D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 3, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Mạc Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 3, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày ngày 22 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hoàng Trung D và chị Mạc Thị T.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Trung D và chị Mạc Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con sau khi ly hôn:

- Về nuôi con chung: Anh D và chị T thỏa thuận: anh Hoàng Trung D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung là Hoàng Hạ V, sinh năm 26/6/2008 và Hoàng Nhật V, sinh ngày 30/7/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên không xem xét.

- Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3 Về tài sản chung: Anh D, chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về công nợ chung: Anh D, chị T xác định vợ chồng không có nợ chung.

2.5. Về án phí: Anh D và chị T thỏa thuận, anh D tự nguyện chịu 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003234 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Hoàn trả cho anh Hoàng Trung D 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. T;
- CCTHADS TP. T;
- UBND phường xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Sái Đức Trung

